

Bản án số: 127/2024/DS-ST

Ngày: 27 - 12 - 2024.

“V/v Tranh chấp chia thừa kế
quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hồng.

Bà Trần Thị Mỹ Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tỏa – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và ngày 27 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 310/2024/QĐXXST - DS ngày 27/11/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Giảng Tấn Đ**, sinh năm 1996. (có mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1984, địa chỉ liên hệ: khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng L**, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1963, địa chỉ: ấp V, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Giảng Chí S**, sinh năm 1977. (vắng mặt)

2. Chị **Giảng Hồng N**, sinh năm 2006. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

* Người đại diện theo ủy quyền của ông S và chị N là ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1984, địa chỉ liên hệ: khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3. Ông **Nguyễn Hoàng T**, sinh năm 1982. (vắng mặt)

4. Bà **Nguyễn Ngọc A**, sinh năm 1985. (vắng mặt)

5. Bà **Trịnh Thị T**, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

* Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Ngọc A và bà Trịnh Thị T là ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1963, địa chỉ: ấp V, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Giảng Chí S và chị Giảng Hồng N là ông Nguyễn Văn U trình bày:***

Ông ngoại nguyên đơn là ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1951, (chết ngày 11/05/2009) và bà ngoại là bà Lý Thị S, sinh năm 1951, (chết ngày 24/06/2009) chung sống với nhau có tất cả 04 người con gồm: Bà Nguyễn Ngọc T (chết năm 2022); ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1980; ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1985. Ngoài ra ông bà ngoại nguyên đơn không có con nuôi hay con riêng nào khác. Bà T có chồng tên Giảng Chí S, con tên Giảng Hồng N và Giảng Tấn Đ. Khi còn sống ông bà ngoại nguyên đơn có tạo lập được: 01 căn nhà gắn liền với đất có diện tích ngang khoảng 4,5m, chiều dài khoảng 35m, thửa đất số 439, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà ngoại nguyên đơn tên Lý Thị S đứng tên số phát hành là R 804466. Hiện tại nhà và đất nêu trên do ông Nguyễn Hoàng L quản lý và sử dụng. Trước khi chết ông, bà Ngoại nguyên đơn không có để lại di chúc chia phần đất nêu trên cho ai. Do đó, đối với số tài sản trên thì mẹ nguyên đơn vẫn có một phần thừa kế, nhưng nguyên đơn và ông Long không thể thỏa thuận phân chia số tài sản mà ông bà ngoại nguyên đơn để lại.

Nay nguyên đơn anh Giảng Tấn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia di sản thừa kế theo pháp luật căn nhà gắn liền với đất có diện tích ngang khoảng 4,5m, chiều dài khoảng 35m, thửa đất số 439, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng làm 04 kỷ phần cho 04 người sau đây là: Bà Nguyễn Ngọc T (đã chết ngày 10/07/2022), ông Nguyễn Hoàng L, ông Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Ngọc A. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia cho nguyên đơn, ông Giảng Chí S và Giảng Hồng N được nhận 01 kỷ phần của bà Nguyễn Ngọc T và xin nhận đất. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khẳng định chỉ yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất mà không chia tài sản trên đất.

**** Theo tờ tường trình và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Ngọc A và bà Trịnh Thị T là ông Nguyễn Văn U trình bày:***

Cha mẹ bị đơn là ông Nguyễn Văn M và bà Lý Thị S có tất cả 04 người con: 1/ Nguyễn Ngọc T (chết năm 2022), có chồng tên Giảng Chí S, con là Giảng Tấn Đ, Giảng Hồng N; 2/ Nguyễn Hoàng L, 3/ Nguyễn Hoàng T, 4/ Nguyễn Ngọc A. Ngoài ra cha mẹ tôi không có con nuôi, hay con riêng gì. Khi cha mẹ bị đơn chết có để lại tài sản là căn nhà và phần đất thuộc thửa 439, tờ bản đồ số 2, diện tích 121,3m², tọa lạc: khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Trước đây bị đơn cùng sống chung với cha mẹ ở căn nhà trước, còn căn nhà sau thì do ông Nguyễn Hoàng T ở. Sau khi cha mẹ chết thì bị đơn vẫn sinh sống trong căn nhà của cha mẹ. Trước lúc mẹ bị đơn chết thì có di nguyện là để lại căn nhà này làm nơi thờ cúng ông bà chứ không được sang bán hay phân chia tài sản. Tuy nhiên, do căn nhà cũ của cha mẹ xây dựng đã xuống cấp, bị mục mối nên ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Ngọc A đã đồng ý cho bị đơn đứng ra xây dựng lại căn nhà mới.

Nay đối với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn thì bị đơn cũng đồng ý nhưng chia cho nguyên đơn bằng giá trị. Còn phần đất thì bị đơn, ông Nguyễn Hoàng T và Nguyễn Ngọc A đồng ý để làm nơi thờ cúng ông, bà.

*** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phần đất thuộc thửa 439, diện tích 94,1m², tờ bản đồ số 2, tọa lạc: khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do ông Nguyễn Văn M và bà Lý Thị S chết để lại. Tuy nhiên, do phần đất hiện bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng T đang quản lý, sử dụng. Đồng thời, diện tích phần đất cũng không đủ tách thửa nên đề nghị HĐXX xem xét chia giá trị quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế chuyển tiếp của bà Nguyễn Ngọc T 01 kỳ phân. Đối với di sản là quyền sử dụng đất do các đồng thừa kế còn lại đồng ý để làm nơi thờ cúng mà không chia nên đề nghị ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản là phần đất thuộc thửa 439, tờ bản đồ số 2, tọa lạc: khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do ông Nguyễn Văn M và bà Lý Thị S chết để lại. Do đó, HĐXX xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 121,3m², thuộc thửa 439, tờ bản đồ số 2, tọa lạc: khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do ông Nguyễn Văn M và bà Lý Thị S chết để lại, nguyên đơn yêu cầu chia hiện vật. Bị đơn cũng thừa nhận tài sản nêu trên là của cha mẹ chết để lại và không có di chúc. Bị đơn cũng đồng ý chia di sản thừa kế theo pháp luật nhưng yêu cầu chia bằng giá trị cho nguyên đơn, còn hiện vật bị đơn xin nhận để làm nơi thờ cúng. Xét thấy, các đương sự đều thừa nhận tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất diện tích 121,3m², thuộc thửa 439, tờ bản đồ số 2, tọa lạc: khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc là của bà Lý Thị S và ông Nguyễn Văn M chết để lại. Phần đất hiện do hộ bà Lý Thị S đứng tên quyền sử dụng đất đây là tình tiết sự kiện được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ đó, có cơ sở HĐXX xác định tài sản nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là di sản của bà Lý Thị S và ông Nguyễn Văn M chết để lại.

[3] Xét về hàng thừa kế của bà Lý Thị S và ông Nguyễn Văn M, thì thấy: Theo các đương sự thừa nhận bà Lý Thị S (chết năm 2009) và ông Nguyễn Văn M (chết năm 2009) lúc sinh thời có tất cả 04 người con gồm: Bà Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Hoàng L, ông Nguyễn Hoàng T và Nguyễn Ngọc A. Ngoài ra, bà S và ông M không có con riêng hay con nuôi gì khác. Đồng thời, lời thừa nhận của các đồng thừa kế cũng phù hợp với tờ khai quan hệ thừa kế theo pháp luật của bà Lý Thị S và ông Nguyễn Văn M lập ngày 06/3/2024. Từ đó, có cơ sở HĐXX xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông M và bà S gồm: Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Ngọc T theo quy định tại khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, hiện Bà T đã chết (chết năm 2022), Bà T chết sau ông M và bà S nên quyền thừa kế của Bà T sẽ được chuyển tiếp cho các đồng thừa kế thứ nhất của Bà T gồm ông Giảng Chí S, anh Giảng Tấn Đ, chị Giảng Hồng N.

[4] Xét về diện tích phần đất tranh chấp theo nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế. Nhận thấy, theo biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 25/4/2024 và sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 03/5/2024 thì phần đất nguyên đơn yêu cầu có số đo thực tế là 121,3m² thuộc thửa 439, tờ bản đồ số 2, tọa lạc: khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, qua đối chiếu theo quy định tại Quyết định số 47/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng và đo đạc thực tế thì phần đất tranh chấp có một phần diện tích 27,2m² thuộc hành lang bảo vệ an toàn kênh do Nhà nước quản lý nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 157 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét và đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn. Đối với tài sản trên đất gồm 02 căn nhà. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều thừa nhận, 01 căn nhà do bị đơn mới xây dựng trên nền cũ căn nhà của bà Lý Thị S, còn 01 căn nhà còn lại là của ông Nguyễn Hoàng T. Các đương sự đều thống nhất không yêu cầu chia giá trị của 02 căn nhà mà chỉ yêu cầu chia quyền sử dụng đất. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét, đồng thời đình chỉ một phần đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Xét về giá trị tài sản tranh chấp thì thấy: Theo nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH thẩm định giá Đỉnh Vàng định giá quyền sử dụng đất. Tại chứng thư định giá ngày 22/7/2024 của Công ty TNHH thẩm định giá Đỉnh Vàng. Tổng giá trị quyền sử dụng đất là: 3.530.800.400 đồng, giá này bao gồm giá trị diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ kênh do Nhà nước quản lý. Nên giá trị phần đất tranh chấp sau khi trừ đi diện tích hành lang bảo vệ kênh giá còn lại là $94,1\text{m}^2 \times 29.108.000$ đồng = 2.739.062.800 đồng. Sau khi Tòa án thông báo giá thì bị đơn không đồng ý vì cho rằng giá không phù hợp tại địa phương tại thời điểm tranh chấp do cao hơn giá thị trường và có đơn xin định giá lại và Trung cầu Công ty cổ phần dịch vụ thẩm định giá HTH. Tại chứng thư thẩm định định giá ngày 04/10/2024 của Công ty cổ phần dịch vụ thẩm định giá HTH thì tài sản có giá trị như sau: Phần đất thuộc thửa 58 (439), tờ bản đồ số 134 (2), tọa lạc: khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng có tổng giá trị là: 1.840.728.300 đồng (*một tỉ tám trăm bốn mươi triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn ba trăm đồng*). Trong đó, giá đất ở tại đô thị (ngoài hành lang bảo vệ kênh) $94,1\text{m}^2$ là 1.737.368.300 đồng, giá đất ở tại đô thị (trong hành lang bảo vệ kênh) $27,20\text{m}^2$ là 103.360.000 đồng. Tuy nhiên, các tổ chức do các đương sự yêu cầu để thẩm định, định giá đều có tư cách pháp nhân và đủ điều kiện thực hiện việc thẩm định định giá theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa các đương sự không thống nhất được giá. Do đó, HĐXX quyết định lấy giá trung bình giữa 02 lần thẩm định định giá để làm cơ sở giải quyết vụ án. Từ đó tài sản tranh chấp có giá trị là 2.238.215.550 đồng.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế và xin nhận hiện vật, trường hợp chia giá trị thì yêu cầu chia theo giá trị do Công Ty TNHH thẩm định giá Đỉnh Vàng định giá. Theo người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng đồng ý chia thừa kế theo pháp luật nhưng xin nhận hiện vật làm nơi thờ cúng và đồng ý chia giá trị cho nguyên đơn theo giá Công ty cổ phần dịch vụ thẩm định giá HTH. Xét thấy, như nhận định tại mục [4] thì phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích là $94,1\text{m}^2$. Trong diện tích này thì hiện bị đơn đã xây dựng căn nhà với diện tích ngang 04m x dài 16m tổng diện tích 64m^2 . Tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận phần diện tích bị đơn xây dựng căn nhà là trên nền nhà cũ trước đây của bà S và ông M. Phần diện tích đất còn lại là căn nhà của ông Tân. Đồng thời, diện tích phần đất cũng không đủ điều kiện tối thiểu để tách thửa cho các kỹ phần theo quy định của pháp luật. Về giá trị tài sản tranh chấp như nhận định tại mục [5] thì tài sản có giá trị là 2.238.215.550 đồng. Do đó, đối với yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 660 của Bộ luật dân sự. Đối với các đồng thừa kế còn lại thống nhất không chia mà để lại dùng làm nơi thờ cúng, đây là tự nguyện của các đương sự nên HĐXX ghi nhận.

[7] Xét về kỹ phần thừa kế, nhận thấy: Hàng thừa kế thứ nhất của bà S và ông M gồm có 04 người con là: Ông Nguyễn Hoàng L, ông Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Ngọc T (người thừa kế thứ nhất của Bà T là ông Giảng Chí S, Giảng Tấn Đ, Giảng Hồng N). Đồng thời, trước khi chết thì bà S và ông M không có để lại di chúc. Do đó, di sản của bà S và ông M để lại được chia làm 04 kỹ phần bằng nhau cho các đồng thừa kế, mỗi kỹ phần có giá trị tương đương 559.554.000 đồng (làm tròn) theo quy định tại khoản 2 Điều 651 của Bộ luật dân sự. Cụ thể di sản của bà S và ông M được chia như sau: Chia cho ông Giảng

Chí S, anh Giảng Tấn Đ, chị Giảng Hồng N 01 kỷ phần là 559.554.000 đồng; Chia cho ông Nguyễn Hoàng L, ông Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Ngọc A mỗi người một kỷ phần 559.554.000 đồng, nhưng ông L, ông T, bà A đồng ý để lại dùng làm nơi thờ cúng không chia nên HĐXX ghi nhận và công nhận phần đất có diện tích 94,1m², thuộc thửa 439, tờ bản đồ số 2, tọa lạc: khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cho ông L, ông T, bà A được quyền quản lý, sử dụng. Đồng thời, buộc ông L, ông T và bà A có trách nhiệm liên đới hoàn trả kỷ phần được chia cho ông Giảng Chí S, Giảng Tấn Đ, Giảng Hồng N.

[8] Về chi phí thẩm định và định giá với tổng số tiền là 35.027.200 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các đồng thừa kế mỗi người phải chịu 8.756.800 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nhưng do nguyên đơn và bị đơn tạm ứng thanh toán chi phí tố tụng trước nên các đồng thừa kế có trách nhiệm giao trả lại cho nguyên đơn và bị đơn.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương đương với giá trị tài sản được chia theo qui định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 244, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650, khoản 1, khoản 2 Điều 651 và khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 45 của Luật Đất đai năm 2024; điểm b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Giảng Tấn Đ về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Nguyễn Văn M và bà Lý Thị S chết để lại là phần đất diện tích 94,1m², thuộc thửa 439 (58), tờ bản đồ số 2 (134), tọa lạc: khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trị (nay UBND thị xã Ngã Năm) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lý Thị S vào ngày 09/11/2000.

- Chia cho người thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Ngọc T là ông Giảng Chí S, anh Giảng Tấn Đ và chị Giảng Hồng N giá trị tương đương 01 kỷ phần thừa kế là 559.554.000 đồng (*năm trăm năm mươi chín triệu năm trăm năm mươi bốn*

ngàn đồng). Trong đó mỗi người được hưởng 186.518.000 đồng (một trăm tám mươi sáu triệu, năm trăm mười tám ngàn đồng)

- Chia cho ông Nguyễn Hoàng L, ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Ngọc A đồng quản lý và sử dụng phần đất có tổng diện tích 94,1m², thuộc thửa 439 (58), tờ bản đồ số 2 (134), tọa lạc: khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

(Có sơ đồ kèm theo)

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Nguyễn Hoàng L, ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Ngọc A có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Buộc ông Nguyễn Hoàng L, ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Ngọc A có trách nhiệm liên đới giao lại cho ông Giảng Chí S, anh Giảng Tấn Đ và chị Giảng Hồng N số tiền được chia thừa kế là 559.554.000 đồng (năm trăm năm mươi chín triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn đồng). Trong đó, mỗi người có trách nhiệm giao cho ông S, anh Đ và chị N số tiền 186.518.000 đồng (một trăm tám mươi sáu triệu, năm trăm mười tám ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích 27,2m² thuộc hành lang bảo vệ an toàn kênh và yêu cầu chia tài sản trên đất.

3/. Về chi phí thẩm định và định giá: Tổng cộng là 35.027.200 đồng (ba mươi lăm triệu không trăm hai mươi bảy ngàn hai trăm đồng)

+ Buộc ông Nguyễn Hoàng L, ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Ngọc A mỗi người phải chịu số tiền là 8.756.800 đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi sáu ngàn tám trăm đồng); ông Giảng Chí S, anh Giảng Tấn Đ và chị Giảng Hồng N liên đới chịu số tiền 8.756.800 đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi sáu ngàn tám trăm đồng). Nhưng do nguyên đơn anh Giảng Tấn Đ tạm ứng thanh toán trước 19.277.200 đồng (mười chín triệu hai trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm đồng) và bị đơn ông Nguyễn Hoàng L tạm ứng thanh toán trước 15.750.000 đồng (mười lăm triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Buộc ông Nguyễn Hoàng T hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng L số tiền thẩm định và định giá là 6.993.200 đồng (sáu triệu chín trăm chín mươi ba ngàn hai trăm đồng) và hoàn trả cho anh Giảng Tấn Đ số tiền 1.763.600 đồng (một triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn sáu trăm đồng).

+ Buộc bà Nguyễn Ngọc A hoàn trả cho anh Giảng Tấn Đ số tiền thẩm định và định giá là 8.756.800 đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi sáu ngàn tám trăm đồng).

+ Buộc ông Giảng Chí S và chị Giảng Hồng N mỗi người hoàn trả cho anh Giảng Tấn Đ số tiền thẩm định và định giá là 2.918.933 đồng (hai triệu chín trăm mười tám ngàn chín trăm ba mươi ba đồng).

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc ông Giảng Chí S, anh Giảng Tấn Đ và chị Giảng Hồng N liên đới chịu số tiền án phí 26.382.160 đồng (*hai mươi sáu triệu ba trăm tám mươi hai ngàn một trăm sáu mươi đồng*). Trong đó mỗi người phải chịu 8.794.053 (*tám triệu bảy trăm chín mươi bốn ngàn không trăm năm mươi ba đồng*). Riêng anh Giảng Tấn Đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đạt đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền án phí số 0002552 ngày 13/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm anh Đ còn phải nộp thêm số tiền án phí là 8.494.053 đồng (*tám triệu bốn trăm chín mươi bốn ngàn không trăm năm mươi ba đồng*).

+ Buộc ông Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Ngọc A mỗi người phải chịu số tiền án phí 26.382.160 đồng (*hai mươi sáu triệu ba trăm tám mươi hai ngàn một trăm sáu mươi đồng*).

4/ Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ST;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn